

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XVII

Phẩm 8: PHẠM HẠNH 3

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát có thể biết như thế thì được những lợi ích gì?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu Bồ-tát có thể biết như vậy, thì đạt được bốn vô ngại là: Pháp vô ngại, Nghĩa vô ngại, Từ vô ngại, Nhạo thuyết vô ngại. Pháp vô ngại là biết tất cả các pháp và danh tự của pháp. Nghĩa vô ngại là biết tất cả nghĩa của pháp, có thể tùy theo danh tự đã đạt của pháp mà giảng nghĩa. Từ vô ngại là giảng luận theo danh tự, giảng luận theo chánh âm, giảng luận về pháp cú, giảng luận về sự biện luận ở đời. Nhạo thuyết vô ngại là, Đại Bồ-tát khi diễn nói không có chướng ngại, không thể lay chuyển, không sợ hãi, khó có thể bẻ gãy. Này thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát có thể thấy biết như vậy, mà như vậy thì liền đạt được bốn trí vô ngại như trên. Lại nữa, này thiện nam! Pháp vô ngại là Đại Bồ-tát có thể biết hết các pháp của hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và chư Phật. Nghĩa vô ngại là, Thừa tuy có ba bậc, nhưng biết quy về chỉ một mà thôi, không bao giờ cho rằng có tướng sai khác. Từ vô ngại là, Đại Bồ-tát ở trong một pháp đặt ra nhiều tên, trải qua vô lượng kiếp nói cũng không hết được. Hàng Thanh văn, Duyên giác mà có thể nói được như vậy thì điều này không thể có. Nhạo thuyết vô ngại là, Đại Bồ-tát ở trong vô lượng kiếp vì tất cả chúng sinh giảng nói các pháp. Hoặc tên gọi, hoặc nghĩa lý, có rất nhiều loại giảng nói sai khác không thể cùng tận.

Lại nữa, này thiện nam! Pháp vô ngại là, Đại Bồ-tát tuy biết tất cả các pháp nhưng không chấp trước. Nghĩa vô ngại là, Đại Bồ-tát tuy biết các nghĩa lý nhưng không chấp trước. Từ vô ngại là, Đại Bồ-tát tuy biết danh tự nhưng không chấp trước. Nhạo thuyết vô ngại là, Đại Bồ-tát tuy biết Nhạo thuyết tối thượng như vậy nhưng cũng không hề chấp trước. Vì sao? Này thiện nam! Vì nếu còn chấp trước thì chẳng gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát không chấp trước thì chẳng biết pháp, nếu biết pháp thì phải chấp trước, nếu biết mà không chấp trước thì không biết gì. Vậy sao Như Lai nói, biết pháp mà không chấp trước?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Phạm chấp trước thì không gọi là vô ngại. Không chấp trước mới gọi là vô ngại. Này thiện nam! Vì vậy tất cả Bồ-tát nếu có chấp trước thì không gọi là vô ngại, nếu không vô ngại thì không gọi là Bồ-tát. Nên biết người như vậy gọi là phạm phu. Vì sao có chấp trước gọi là phạm phu? Vì tất cả các phạm phu ai cũng đều chấp trước sắc cho đến chấp trước thức. Vì còn chấp trước sắc nên sinh tâm tham lam, vì sinh tâm tham lam nên bị sắc trói buộc, cho đến bị thức trói buộc. Vì bị trói buộc nên không thể thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, đại khổ và tất cả các phiền não. Vì vậy còn chấp trước gọi là phạm phu. Do nghĩa này cho nên tất cả các phạm phu không có được bốn pháp vô ngại. Này thiện nam! Đại Bồ-tát đã ở nơi vô lượng vô số kiếp thấy, biết tất cả các pháp tướng. Nhờ có thấy, biết nên biết được nghĩa này. Do thấy các pháp tướng và biết nghĩa lý nên đối với sắc không bị trói buộc, cho nên đối với thức cũng lại như vậy. Do không chấp trước, cho nên Bồ-tát đối với sắc không sinh tâm tham đắm, cho đến đối với thức cũng chẳng tham đắm. Bởi vì không tham nên chẳng bị sắc trói buộc, cho đến chẳng bị thức trói buộc. Vì không bị trói buộc nên được thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, đại khổ và tất cả các phiền não. Do nghĩa này nên tất cả Bồ-tát có được bốn pháp vô ngại.

Này thiện nam! Do nhân duyên này trong Mười hai bộ loại kinh văn, Như Lai vì hàng đệ tử mà nói, người nào chấp trước thì người ấy gọi là bị ma trói buộc, nếu người nào không còn chấp trước thì người ấy thoát khỏi sự trói buộc của ma. Ví như trong đời, người nào có tội thì bị vua bắt trói. Đại Bồ-tát cũng như vậy, người chấp trước thì bị ma trói buộc, người không chấp trước thì ma không trói buộc được. Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát không có chấp trước.

Lại nữa, này thiện nam! Pháp vô ngại là Đại Bồ-tát khéo biết danh tự, giữ gìn không quên sót, nghĩa là giữ gìn như đất, như núi, như con mắt, như đám mây, như người, như mẹ; tất cả các pháp cũng lại như vậy. Nghĩa vô ngại là Bồ-tát tuy biết danh tự của các pháp nhưng không biết nghĩa, nếu biết sự vô ngại của nghĩa thì biết nghĩa. Thế nào là biết nghĩa? Sự bảo trì của đất là, như đất bảo trì khắp tất cả chúng sinh và phi chúng sinh, do nghĩa này nên gọi đất là bảo trì. Này thiện nam! Sự bảo trì của núi là, Đại Bồ-tát lại suy nghĩ: Sao gọi là sự bảo trì của núi? Vì núi có thể bảo trì được đất làm cho không nghiêng đổ chấn động, nên gọi là bảo trì. Sao lại gọi là sự bảo trì của mắt? Vì mắt có thể giữ lấy ánh sáng, nên gọi là bảo trì. Sao gọi là sự bảo trì của mây? Vì mây gọi hơi của rồng, hơi của rồng bảo trì được nước, nên gọi là sự bảo trì của mây. Sao gọi là sự bảo trì của người? Vì người có thể bảo trì được chánh pháp và phi pháp, nên gọi là sự bảo trì của người. Sao gọi là sự bảo trì của mẹ? Vì mẹ có thể bảo trì con cái, nên gọi là sự bảo trì của mẹ. Cũng vậy, Đại Bồ-tát là bậc biết tất cả danh tự, câu cú và nghĩa lý của các pháp

Từ vô ngại là, Đại Bồ-tát dùng đủ thứ ngôn ngữ để diễn nói một nghĩa, cũng không có nghĩa. Giống như những danh từ nam nữ, nhà cửa, xe cộ, chúng sinh v.v... Vì sao gọi là vô nghĩa? Này thiện nam! Vì luận về nghĩa tức là cảnh giới của chư Phật và Bồ-tát, còn ngôn từ tức là cảnh giới của hàng phàm phu. Do biết nghĩa nên được Từ vô ngại.

Nhạo thuyết vô ngại là, Đại Bồ-tát biết từ, biết nghĩa, nên đối với vô lượng vô số kiếp nói từ, nói nghĩa cũng không thể cùng tận. Đó gọi là Nhạo thuyết vô ngại. Này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong vô lượng vô biên vô số kiếp tu hành thế đế, nhờ sự tu hành này nên

biết pháp vô ngại. Lại ở trong vô lượng vô số kiếp tu hành Đệ nhất nghĩa đế nên đạt được nghĩa vô ngại. Cũng ở trong vô lượng vô số kiếp tu tập luận Tỳ-dà-la-na nên được Từ vô ngại, cũng ở trong vô lượng vô số kiếp tu tập luận thuyết về thế đế nên đạt được Nhạo thuyết vô ngại. Nay thiện nam! Hàng Thanh văn, Duyên giác nếu có được bốn vô ngại, thì đó là điều không thể có.

Nay thiện nam! Trong chín bộ loại kinh văn Như Lai nói hàng Thanh văn, Duyên giác có bốn vô ngại, nhưng hàng Thanh văn, Duyên giác thật sự không có. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát muốn cứu độ chúng sinh nên tu tập bốn trí vô ngại như vậy. Hàng Duyên giác tu pháp tịch diệt nên ưa thích ở một mình, nếu hóa độ chúng sinh thì chỉ thị hiện thần thông, suốt ngày yên lặng, không thể thuyết pháp thì làm sao đạt được bốn trí vô ngại. Sao gọi là yên lặng không thuyết pháp? Hàng Duyên giác không thể thuyết pháp cứu độ mọi người, không thể khiến họ đạt được pháp Noãn, pháp Đảnh, pháp Nhẫn, pháp Thế đệ nhất, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật-bích-chi và Đại Bồ-tát, không thể khiến người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Nay thiện nam! Khi hàng Duyên giác ra đời, ở thế gian không có chín bộ loại kinh văn. Do đó hàng Duyên giác không có Từ vô ngại và Nhạo thuyết vô ngại. Nay thiện nam! Hàng Duyên giác tuy biết hết các pháp nhưng không đạt được pháp vô ngại. Vì sao? Vì pháp vô ngại gọi là biết văn tự. Hàng Duyên giác tuy biết văn tự nhưng không đạt được Từ vô ngại. Vì sao? Vì không biết hai chữ “thường trụ”, cho nên hàng Duyên giác không đạt được pháp vô ngại, tuy biết nghĩa nhưng không đạt được Nghĩa vô ngại. Người thật sự biết nghĩa là thật sự biết các chúng sinh đều có Phật tánh. Nghĩa Phật tánh gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên hàng Duyên giác không đạt được Nghĩa vô ngại. Thế nên tất cả hàng Duyên giác không có được Bốn trí vô ngại. Sao hàng Thanh văn không có Bốn trí vô ngại? Vì hàng Thanh văn không có ba loại phương tiện thiện xảo. Ba loại ấy là gì? Một là cần phải nói lời dịu dàng, sau đó mới trao truyền giáo pháp. Hai là cần phải nói lời thô tháo, sau đó mới giáo hóa. Ba là nói lời không dịu dàng, không thô tháo, sau đó mới giáo hóa. Vì hàng

Thanh văn không có ba loại này nên không đạt được Bốn vô ngại. Lại nữa, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết tường tận về từ và nghĩa, không có trí tự tại và biết rõ các cảnh giới, không có Mười lực, Bốn vô sở úy, không thể rớt ráo vượt qua biển cả Mười hai nhân duyên, không thể khéo biết những căn tánh nhạy bén hay chậm lụt khác nhau của chúng sinh, chưa thể đoạn trừ tâm nghi ngờ đối với hai đế, cũng chẳng biết các loại cảnh giới của đối tượng duyên nơi tâm của chúng sinh, không thể nói giảng nói hoàn hảo về Đệ nhất nghĩa không. Do đó hàng Nhị thừa không có Bốn trí vô ngại.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả các hàng Thanh văn, Duyên giác đều không có Bốn trí vô ngại thì sao Thế Tôn lại nói: “Tôn giả Xá-lợi-phất là trí tuệ bậc nhất. Tôn giả Mục-kiền-liên là thần thông bậc nhất. Ma-ha Câu-hy-la là có Bốn vô ngại bậc nhất”. Nếu những vị này không có Bốn vô ngại thì sao Như Lai lại nói như thế?

Lúc ấy, Đức Thế Tôn khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Giống như sông Hằng có nước nhiều vô lượng, sông lớn Tân-đầu cũng có nước nhiều vô lượng, sông lớn Bác-xoa cũng có nước nhiều vô lượng, sông lớn Tất-đà cũng có nước nhiều vô lượng, ao Vô nhiệt nào cũng có nước nhiều vô lượng. Như vậy các dòng nước tuy giống nhau là nhiều vô lượng, nhưng lượng nước nhiều hay ít của nó thật sự không bằng nhau. Bốn trí vô ngại của hàng Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát cũng lại như vậy. Này thiện nam! Nếu nói bằng nhau thì đó là điều không thể có. Này thiện nam! Ta vì hàng phàm phu mà nói Bốn trí vô ngại của Ma-ha Câu-hy-la là bậc nhất; điều mà ông hỏi, ý nghĩa là như vậy. Này thiện nam! Hàng Thanh văn hoặc có được một vô ngại, hoặc có hai vô ngại, còn nếu đầy đủ Bốn vô ngại thì đó là điều không thể có.

Bồ-tát Ca-diếp-bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như trước Phật đã nói trong phẩm Phạm Hạnh, Bồ-tát thấy, biết được Bốn trí vô ngại. Nếu Bồ-tát thấy, biết Bốn trí vô ngại thì không có sở đắc, cũng không có ý niệm về không

sở đắc.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát này thật sự không sở đắc. Giả sử Bồ-tát còn tâm sở đắc, thì chẳng phải là Bồ-tát mà gọi là phàm phu. Vậy sao Như Lai lại nói Bồ-tát có sở đắc?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Lành thay! Lành thay! Điều Ta muốn nói thì ông lại hỏi. Này thiện nam! Đại Bồ-tát thật không có sở đắc, không có sở đắc thì gọi là Bốn vô ngại. Này thiện nam! Vì ý nghĩa gì nên không sở đắc gọi là vô ngại? Vì nếu còn có sở đắc thì gọi là chướng ngại, mà có chướng ngại thì gọi là bốn thứ điên đảo. Này thiện nam! Đại Bồ-tát vì không có bốn thứ điên đảo nên được vô ngại. Cho nên Bồ-tát gọi là không sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Không sở đắc thì gọi là trí tuệ. Đại Bồ-tát đạt được trí tuệ này nên gọi là không sở đắc. Người nào có sở đắc gọi là vô minh. Bồ-tát đã đoạn trừ hết tối tăm của vô minh nên không sở đắc. Vì vậy Bồ-tát gọi là không sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Không sở đắc là Đại Niết-bàn. Đại Bồ-tát an trụ trong Đại Niết-bàn như vậy, không thấy tất cả tánh, tướng của các pháp. Vì thế, Bồ-tát gọi là không sở đắc. Nếu có sở đắc thì gọi là hai mươi lăm cõi. Bồ-tát đã đoạn trừ hai mươi lăm cõi nên đạt được Đại Niết-bàn. Cho nên Bồ-tát gọi là không sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Không sở đắc gọi là Đại thừa. Đại Bồ-tát không trụ vào các pháp nên đắc Đại thừa. Cho nên Bồ-tát gọi là không sở đắc. Nếu có sở đắc thì gọi là đạo của hàng Thanh văn và Phật-bích-chi. Bồ-tát đã hoàn toàn đoạn trừ đạo của hàng Nhị thừa nên đạt được Phật đạo. Cho nên, Bồ-tát gọi là không sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Không sở đắc gọi là kinh Phương Đẳng. Bồ-tát đọc tụng kinh điển như vậy nên đạt được Đại Niết-bàn. Cho nên, Bồ-tát gọi là không sở đắc. Nếu có sở đắc thì gọi là Mười hai bộ loại kinh văn. Bồ-tát không tu theo kinh văn như vậy mà chỉ chuyên giảng nói kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Cho nên, Bồ-tát gọi là không sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Không sở đắc gọi là hư không. Bồ-tát đạt được Tam-muội Hư không này thì không còn kiến chấp. Cho nên, Bồ-tát gọi là không sở đắc. Còn có sở đắc thì gọi là luân hồi sinh tử. Tất cả phàm phu đều luân hồi sinh tử nên còn kiến chấp. Bồ-tát đã

đoạn trừ tất cả sinh tử. Cho nên, Bồ-tát gọi là không sợ đắc. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát không sợ đắc nên gọi là thường, lạc, ngã, tịnh. Đại Bồ-tát đã thấy Phật tánh nên đạt được thường, lạc, ngã, tịnh. Cho nên, Bồ-tát gọi là không sợ đắc. Còn có sợ đắc thì gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, và vô tịnh. Đại Bồ-tát đã đoạn trừ vô thường, vô lạc, vô ngã và vô tịnh. Cho nên, Bồ-tát gọi là không sợ đắc. Lại nữa, này thiện nam! Không sợ đắc gọi là Đệ nhất nghĩa không. Đại Bồ-tát quán Đệ nhất nghĩa không đều không còn kiến chấp. Cho nên, Bồ-tát gọi là không sợ đắc. Còn có sợ đắc thì gọi là năm kiến chấp. Bồ-tát đã vĩnh viễn đoạn trừ năm kiến chấp này nên đạt được Đệ nhất nghĩa không. Cho nên, Bồ-tát gọi là không sợ đắc. Lại nữa, này thiện nam! Không sợ đắc gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đại Bồ-tát khi đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì hoàn toàn không còn kiến chấp. Cho nên, Bồ-tát gọi là không sợ đắc. Còn có sợ đắc thì gọi là sự giác ngộ của hàng Thanh văn, Duyên giác. Bồ-tát đã hoàn toàn xa lìa sự giác ngộ của hàng Nhị thừa. Cho nên Bồ-tát gọi là không sợ đắc. Này thiện nam! Lời thưa hỏi của ông cũng không sợ đắc, lời nói của Như Lai cũng không sợ đắc. Nếu ai còn sợ đắc thì người ấy là quyến thuộc của ma, chẳng phải là đệ tử của Như Lai.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Khi Như Lai vì con mà thuyết giảng về vô sợ đắc của Bồ-tát, có vô lượng chúng sinh đoạn trừ tâm hữu tướng. Nhờ điều này con mới dám thưa hỏi Như Lai về ý nghĩa vô sợ đắc, khiến cho vô lượng chúng sinh như vậy xa lìa quyến thuộc của ma, làm đệ tử Phật.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trước kia, ở trong rừng Ta-la song thọ, Như Lai đã vì Thuần-đà mà nói kệ:

Vốn có nay không

Vốn không nay có

Ba đời có pháp

Điều này không có.

Bạch Thế Tôn! Nghĩa này là thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Vì hóa độ chúng sinh nên Như Lai nói như vậy, vì hàng Thanh văn và Phật-bích-chi nên mới nói lời ấy, cũng vì Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi nên nói lời ấy, chẳng phải chỉ vì một mình Thuần-đà mà nói kệ đó. Khi ấy, Văn-thù-sư-lợi muốn thưa hỏi Như Lai. Như Lai biết tâm của Văn-thù-sư-lợi nên mới nói bài kệ ấy. Khi Như Lai nói kệ xong, Văn-thù-sư-lợi liền hiểu rõ.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu người có thể hiểu rõ nghĩa này như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi? Cúi xin Đức Như Lai vì đại chúng mà giảng nói rõ ràng.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Như Lai sẽ vì ông mà giảng nói lại nghĩa này rõ ràng. Nói vốn có là, thuở xưa Như Lai vốn có vô lượng phiền não, do phiền não nên hiện tại không có Đại Bát Niết Bàn. Nói vốn không là, vốn không có Trí tuệ Ba-la-mật, vì không có Trí tuệ Ba-la-mật nên hiện tại có đủ phiền não kiết sử. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hoặc người nào cho rằng trong đời quá khứ, hiện tại, vị lai Như Lai có phiền não thì đó là điều không thể có. Lại nữa, này thiện nam! Nói vốn có là, Như Lai vốn có thân do cha mẹ hòa hợp, cho nên trong hiện tại không có Pháp thân kim cang vi diệu. Nói vốn không là, thân Như Lai vốn chẳng có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Do vốn không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp nên hiện tại có đủ bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hay người nào cho rằng trong đời quá khứ, hiện tại, vị lai Như Lai có bệnh khổ thì đó là điều không thể có. Lại nữa, này thiện nam! Nói vốn có là, thuở xưa Như Lai vốn có vô thường, vô ngã, vô lạc và vô tịnh nên hiện tại không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nói vốn không là, vốn không thấy Phật tánh, do không thấy Phật tánh nên không có thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hay người nào cho rằng trong quá khứ,

hiện tại, vị lai Như Lai không có thường, lạc, ngã, tịnh thì đó là điều không thể có. Lại nữa, này thiện nam! Nói vốn có là, vốn có tâm phàm phu, tu hành khổ hạnh nên cho là đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do điều này nên hiện tại không thể phá trừ bốn ma. Nói vốn không là, vốn không có sáu Ba-la-mật, do vốn không có sáu Ba-la-mật nên tâm phàm phu tu hành khổ hạnh cho là đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hay người nào cho rằng trong đời quá khứ, hiện tại, vị lai Như Lai có tu hành khổ hạnh thì đó là điều không thể có. Lại nữa, này thiện nam! Nói vốn có là, thuở xưa Như Lai vốn có thân tạp thực, do có thân tạp thực nên không có thân vô biên. Nói vốn không là, vốn không có Ba mươi bảy pháp trợ đạo, do không có Ba mươi bảy pháp trợ đạo nên hiện tại có đủ thân tạp thực. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hay người nào cho rằng trong đời quá khứ, hiện tại, vị lai, Như Lai có thân tạp thực thì đó là điều không thể có. Lại nữa, này thiện nam! Nói vốn có là, thuở xưa Như Lai vốn có tâm chấp thủ đối với tất cả các pháp. Do điều này nên trong hiện tại không có định rốt ráo không. Nói vốn không là, Như Lai vốn không có thật nghĩa Trung đạo. Do không có thật nghĩa Trung đạo nên có tâm chấp trước tất cả các pháp. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hay người nào cho rằng trong đời quá khứ, hiện tại, vị lai Như Lai thuyết giảng tất cả các pháp là hữu tướng thì đó là điều không thể có. Lại nữa, này thiện nam! Nói vốn có là, lúc Như Lai mới chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có các đệ tử Thanh văn căn cơ chậm lụt nên không thể diễn nói pháp Nhất thừa chân thật. Nói vốn không là, vốn không có hàng Tượng vương căn cơ nhạy bén trong loài người như Bồ-tát Ca-diếp v.v... Vì không có hàng căn cơ nhạy bén như Bồ-tát Ca-diếp v.v... nên tùy nghi phương tiện mà khai thị ba Thừa. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn hoặc Trời, Ma, Phạm, hay người nào cho rằng trong quá khứ, hiện tại, vị lai Như Lai hoàn toàn diễn nói về pháp ba Thừa thì đó là điều không thể có. Lại nữa, này thiện nam! Nói vốn có là, Như Lai nói rằng ba tháng nữa nơi rừng Ta-la song thọ, Ta sẽ nhập Niết-bàn. Do đó, hiện tại không thể diễn nói kinh điển Đại Bát Niết Bàn Đại

Thừa Phương Đăng. Nói vốn không là, thuở xưa vốn chẳng có Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi v.v... Vì không có nên hiện tại cho rằng Như Lai là vô thường. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hay người nào cho rằng trong quá khứ, hiện tại, vị lai Như Lai là vô thường thì đó là điều không thể có.

Này thiện nam! Như Lai vì tất cả các chúng sinh nên tuy biết các pháp nhưng nói là không biết, tuy thấy các pháp nhưng nói là không thấy; pháp có tướng mà nói là không tướng, pháp không tướng mà nói là có tướng; thật sự có vô thường mà nói là thường, thật sự là thường mà nói là vô thường; lạc, ngã và tịnh... cũng lại như vậy; pháp Tam thừa nói là Nhất thừa, pháp Nhất thừa nhưng tùy nghi mà nói có Tam thừa; tướng lược nói rộng, tướng rộng nói lược; bốn pháp trọng nói là pháp Thân-lan-giá, pháp Thân-lan-giá nói là bốn pháp trọng; phạm nói là không phạm, không phạm nói phạm; tội nhẹ nói nặng, tội nặng nói nhẹ. Vì sao? Vì Như Lai thấy rõ căn cơ của chúng sinh. Này thiện nam! Tuy nói những lời như vậy, nhưng Như Lai không bao giờ nói những lời hư dối. Vì sao? Vì lời nói hư dối là tội lỗi. Như Lai đã dứt hẳn những tội lỗi thì sao lại còn nói lời hư dối. Này thiện nam! Như Lai tuy không nói lời hư dối, nhưng biết chúng sinh nhờ lời hư dối mà được lợi ích đối với chánh pháp nên Như Lai vì họ mà tùy nghi phương tiện nói lời hư dối. Này thiện nam! Tất cả Thế đế đối với Như Lai là Đệ nhất nghĩa đế. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn là Đệ nhất nghĩa đế nên nói Thế đế để chúng sinh chứng được Đệ nhất nghĩa đế, như vậy, thì chư Phật Thế Tôn không bao giờ nói Thế đế. Này thiện nam! Như Lai có lúc nói Thế đế nhưng chúng sinh lại cho là Phật nói Đệ nhất nghĩa đế, khi Như Lai nói Đệ nhất nghĩa đế thì chúng sinh cho là Phật nói Thế đế. Vì thế, cảnh giới sâu xa của chư Phật thì hàng Thanh văn, Duyên giác không bao giờ biết được. Này thiện nam! Trước đây, ông không nói Đại Bồ-tát là bậc không sở đắc, vì Bồ-tát thường chứng đắc Đệ nhất nghĩa đế. Như vậy sao ông lại nói là không sở đắc.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đệ nhất nghĩa đế cũng gọi là Đạo, cũng gọi là Bồ-tát, cũng gọi là Niết-bàn. Nếu có Bồ-tát nói là có đắc Đạo, có

Bồ-đề, có Niết-bàn, tức là Vô thường. Vì sao? Vì pháp nếu là thường thì không thể có sự chứng đắc. Giống như hư không không ai nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn! Như những vật trong thế gian vốn là không, nay có tên nên gọi là vô thường. Cũng vậy, nếu đạo có thể chứng đắc thì gọi là vô thường, pháp nếu là thường thì không chứng đắc, không sinh; giống như Phật tánh là không chứng đắc, không sinh.

Bạch Thế Tôn! Luận về đạo thì chẳng phải sắc, chẳng phải không sắc, không dài, không ngắn, chẳng phải cao, chẳng phải thấp, chẳng phải sinh, chẳng phải diệt, chẳng phải trắng, chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải có, chẳng phải không. Sao Như Lai nói có thể chứng đắc? Bồ-đề, Niết-bàn cũng lại như vậy.

Đức Phật đáp:

–Đúng thế! Đúng thế! Này thiện nam! Đạo có hai loại: Một là thường, hai là vô thường. Tướng Bồ-đề cũng có hai loại: Một là thường, hai là vô thường. Niết-bàn cũng vậy. Đạo của ngoại đạo gọi là vô thường, đạo của Như Lai gọi là thường, Bồ-đề của hàng Thanh văn, Duyên giác gọi là vô thường; Bồ-đề của Bồ-tát, chư Phật gọi là thường; giải thoát bên ngoài gọi là vô thường, giải thoát bên trong gọi là thường. Này thiện nam! Đạo, Bồ-đề và Niết-bàn đều gọi là thường. Tất cả chúng sinh thường bị phiền não che lấp, không có tuệ nhãn nên chẳng có thể thấy rõ được, nhưng các chúng sinh vì muốn thấy nên tu giới, định và tuệ; nhờ tu hành nên thấy đạo, Bồ-đề và Niết-bàn. Tánh và tướng của đạo thật sự không có sinh, diệt, do nghĩa này nên không thể nắm bắt được. Này thiện nam! Đạo tuy không có hình sắc nhưng có thể thấy, có thể đo lường biết được, nhưng thật sự có diệu dụng. Này thiện nam! Như tâm của chúng sinh tuy chẳng nói là sắc, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải thô, chẳng phải tế, chẳng phải buộc, chẳng phải mở, chẳng phải là pháp có thể thấy nhưng cũng là có. Do nghĩa này nên Ta vì ông Tu-đạt-đa mà nói: “Tâm của Trượng giả là chứa tế trong thành. Nếu Trượng giả không giữ gìn được tâm thì không giữ gìn được thân và miệng, nếu giữ gìn được tâm thì giữ gìn được thân, miệng. Do không

biết khéo léo giữ gìn thân, miệng nên chúng sinh bị rơi vào ba đường ác, nếu giữ gìn thân, miệng thì làm cho chúng sinh được Niết-bàn nơi cõi trời, người, được gọi là chân thật, còn không chứng được thì không gọi là chân thật”. Này thiện nam! Đạo, Bồ-đề và Niết-bàn cũng lại như vậy, cũng là có, cũng là thường. Nếu như nói không có thì sao có thể dứt được tất cả phiền não. Vì có nên tất cả Bồ-tát đều thấy biết rõ ràng. Này thiện nam! Thấy có hai loại: Một là thấy có tướng mạo, hai là thấy rõ ràng. Thế nào là thấy tướng mạo? Như thấy khói từ xa gọi là thấy lửa, nhưng thật sự không thấy lửa, tuy không thấy lửa nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Như thấy chim hạc bay trong hư không, liền nói là thấy nước, tuy không thấy nước nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Nếu như thấy hoa, lá nói là thấy gốc cây, tuy không thấy gốc cây nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Nếu như người thấy sừng trâu trong bờ rào ở đằng xa liền nói là thấy trâu, tuy không thấy trâu nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Như thấy người nữ mang thai liền nói là thấy dục, tuy không thấy dục nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Như thấy cây trở hoa liền nói là thấy nước, tuy không thấy nước nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Lại như thấy mây liền nói là thấy mưa, tuy không thấy mưa nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Như thấy thân nghiệp và khẩu nghiệp liền nói là thấy tâm, tuy không thấy được tâm nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Đó gọi là thấy tướng mạo. Thế nào là thấy rõ ràng? Như mắt thấy sắc. Này thiện nam! Như người có mắt sáng tự xem trái A-ma-lặc trong lòng bàn tay, Đại Bồ-tát thấy đạo, Bồ-đề và Niết-bàn rõ ràng cũng lại như vậy, tuy thấy như vậy nhưng ban đầu vẫn không có tướng thấy. Này thiện nam! Do nhân duyên này nên lúc trước Ta bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: “Điều mà tất cả các Sa-môn, Bà-la-môn hoặc Trời, Ma, Phạm, hay người trong thế gian đều không thể thấy, không thể biết, không thể hiểu, thì chỉ có Như Lai mới thấy, biết và hiểu; các Bồ-tát cũng lại như vậy. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu điều mà thế gian thấy, biết và hiểu thì Ta và Bồ-tát cũng thấy, biết và hiểu. Những điều mà chúng sinh ở trong thế gian không biết, không thấy và không hiểu, thì họ cũng không tự biết là không biết, không thấy và không hiểu. Điều mà chúng sinh ở trong thế gian biết, thấy và

hiểu, thì liền tự cho là tôi biết, thấy và hiểu. Nay Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai thấy, biết và hiểu hết tất cả nhưng cũng không tự cho rằng mình thấy, biết và hiểu tất cả, các Bồ-tát cũng lại như vậy. Vì sao? Vì nếu Như Lai còn có tướng thấy, biết và hiểu thì nên biết, đó chẳng phải là Phật Thế Tôn, mà chỉ gọi là phàm phu, Bồ-tát cũng vậy”.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: “Thế gian biết thì Ta cũng biết, thế gian không biết thì Ta cũng biết”. Ý nghĩa này như thế nào?

–Này thiện nam! Tất cả thế gian không thấy, không biết và không hiểu được Phật tánh. Nếu có thấy, biết và hiểu Phật tánh thì không còn gọi là thế gian mà gọi là Bồ-tát. Người thế gian cũng lại không thấy, không biết và không hiểu về Mười hai bộ loại kinh văn, Mười hai nhân duyên, Bốn điên đảo, Bốn đế và Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Đại Niết-bàn. Nếu thấy, biết và hiểu được thì không gọi là thế gian mà nên gọi là Bồ-tát. Này thiện nam! Đó gọi là thế gian không thấy, không biết và không hiểu. Thế nào là thấy, biết và hiểu của thế gian? Đó là Phạm thiên, Tự Tại thiên, Bát Tý thiên, tánh, thời, vi trần, pháp và phi pháp là tạo hóa, chủ thế giới, thủy, chung và hai kiến chấp đoạn, thường. Cho rằng từ Sơ thiên đến cõi Phi phi tưởng xứ là Niết-bàn. Này thiện nam! Đó gọi là sự thấy, biết và hiểu của thế gian. Đại Bồ-tát đối với những việc như vậy cũng đều thấy, biết và hiểu. Bồ-tát thấy, biết và hiểu như vậy rồi, mà nói rằng không thấy, không biết và không hiểu thì là hư vọng, mà hư vọng là tội lỗi, do tội lỗi ấy nên bị đọa vào địa ngục. Này thiện nam! Nếu có nam, nữ, Sa-môn, Bà-la-môn nói rằng không có đạo Bồ-đề, Niết-bàn thì nên biết họ là hạng Nhất-xiển-đề, là quyến thuộc của ma, là hạng người hủy báng chánh pháp, hủy báng chánh pháp như vậy chính là hủy báng chư Phật. Người như vậy thì không gọi là thế gian cũng không gọi là chẳng phải thế gian.

Lúc ấy, Bồ-tát Ca-diếp nghe những việc như vậy rồi, liền nói kệ để khen ngợi Đức Thế Tôn:

*Đại từ thương chúng sinh
Nên khiến con quy y
Nhỏ những mũi tên độc
Nên gọi Đại Y vương
Thầy thuốc ở thế gian
Trị lành nhưng bệnh lại
Như Lai trị lành bệnh
Hết hẳn không tái phát
Thuốc cam lồ Thế Tôn
Ban cho khắp chúng sinh
Khi chúng sinh uống rồi
Không chết cũng không sinh
Nay Như Lai vì con
Giảng nói Đại Niết-bàn
Chúng sinh nghe pháp này
Liên chẳng sinh chẳng diệt.*

Nói kệ xong, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bach Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói, điều mà tất cả thế gian không thấy, không biết, không hiểu thì Bồ-tát có thể thấy, biết và hiểu. Giả sử Bồ-tát là thế gian thì không được nói thế gian là không thấy, không biết và không hiểu mà Bồ-tát có thể thấy, biết và hiểu; còn nếu Bồ-tát chẳng phải là thế gian thì có tướng gì khác?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nói Bồ-tát cũng là thế gian mà cũng chẳng phải là thế gian, là không biết, không thấy và không hiểu thì gọi là thế gian; thấy, biết và hiểu thì không gọi là thế gian. Ông đã hỏi có tướng gì sai khác, thì hôm nay Ta sẽ nói cho ông biết. Này thiện nam! Nếu có nam tử nữ nhân nào mới nghe kinh Đại Niết-bàn mà liền khởi niệm kính tin và phát tâm Bồ-đề vô thượng thì người ấy gọi là Bồ-tát thế gian. Mà tất cả thế gian không thấy, không biết và không hiểu, thì Bồ-tát như thế cũng đồng như thế gian không thấy, không biết và không hiểu. Bồ-tát nghe kinh Đại Niết-bàn này rồi, biết có thế gian không biết, không thấy và không hiểu điều đáng lẽ

là sự thấy, biết và hiểu của Bồ-tát. Biết những việc như vậy rồi, Bồ-tát nghĩ: “Ta phải tu tập phương tiện như thế nào để được thấy, biết và hiểu?”. Lại suy nghĩ: “Ta phải dốc lòng tu trì tịnh giới”. Đây thiện nam! Do nhân duyên đó Bồ-tát này ở đời vị lai sinh vào cõi nào, giới đức vẫn thường thanh tịnh. Đây thiện nam! Do giới đức thanh tịnh nên Đại Bồ-tát dù sinh vào cõi nào vẫn thường không kiêu mạn, tà kiến và nghi ngờ mê hoặc, không bao giờ cho rằng Như Lai rốt ráo nhập Niết-bàn. Đó gọi là Bồ-tát tu trì tịnh giới. Giới đã thanh tịnh, kể đến tu thiền định. Nhờ tu thiền định nên sinh ở bất cứ chỗ nào cũng không mất chánh niệm: Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, Mười hai bộ loại kinh văn, chư Phật, Thế Tôn, thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả Bồ-tát an trụ nơi kinh điển Đại Niết Bàn Phương Đẳng đều thấy Phật tánh, những việc như vậy không bao giờ quên. Do tu chánh định nên chứng được mười một pháp không. Đó gọi là Bồ-tát tu định thanh tịnh. Giới và định đã đầy đủ rồi, tiếp đến tu tịnh tuệ. Do tu tuệ nên không chấp trước trong thân có ngã, trong ngã có thân, là có thân, là có ngã, chẳng phải thân, chẳng phải ngã. Đó gọi là Bồ-tát tu tịnh tuệ. Do tu tịnh tuệ nên giữ gìn tịnh giới đã thọ vững chắc không lay động. Đây thiện nam! Ví như núi Tu-di không bị gió bốn phía làm nghiêng đổ, chấn động. Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, không bị bốn thứ điên đảo làm lay động.

Này thiện nam! Khi ấy, Bồ-tát tự thấy, biết và hiểu được sự giữ gìn tịnh giới của mình đã thọ không có gì làm lay động được. Đó gọi là sự thấy, biết và hiểu của Bồ-tát, chẳng phải là của thế gian. Đây thiện nam! Bồ-tát thấy sự giữ gìn tịnh giới của mình vững chắc không lay động, thì tâm không hối hận, vì không hối hận nên tâm rất hoan hỷ, vì hoan hỷ nên tâm an lạc, vì an lạc nên tâm an ổn, vì an ổn nên tâm được chánh định không lay động, vì được chánh định không lay động nên được tri kiến chân thật, vì được tri kiến chân thật nên nhàm chán sinh tử, vì nhàm chán sinh tử nên liền được giải thoát, vì được giải thoát nên thấy rõ Phật tánh. Đó gọi là sự thấy, biết và hiểu của Bồ-tát, chẳng phải của thế gian. Đây thiện nam! Đó là sự không thấy, không biết và không hiểu của thế gian, mà là sự thấy, biết và hiểu của Bồ-tát.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát tu trì tịnh giới, tâm không hối hận cho đến thấy rõ được Phật tánh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Giới cấm của thế gian không gọi là thanh tịnh. Vì sao? Vì giới của thế gian là có, tánh không định, nên chẳng phải rốt ráo, không vì tất cả các chúng sinh, do nghĩa này nên gọi là không thanh tịnh, vì không thanh tịnh nên có tâm hối hận, vì hối hận nên tâm không hoan hỷ, vì không hoan hỷ nên không an lạc, vì không an lạc nên không an ổn, vì không an ổn nên không có chánh định bất động, vì không có chánh định bất động nên không có tri kiến chân thật, vì không có tri kiến chân thật nên không nhàm chán, vì không nhàm chán nên không được giải thoát, vì không được giải thoát nên không thấy Phật tánh, vì không thấy Phật tánh nên không bao giờ được Đại Niết-bàn. Đó gọi là giới cấm không thanh tịnh của thế gian. Này thiện nam! Giới thanh tịnh của Đại Bồ-tát là, vì giới chẳng phải là giới, vì chẳng phải là có, vì chắc chắn là rốt ráo và vì chúng sinh nên gọi là giới thanh tịnh của Đại Bồ-tát. Này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong giới thanh tịnh, tuy không muốn sinh tâm không hối hận, nhưng tâm không hối hận tự nhiên phát sinh. Này thiện nam! Ví như có người cầm gương sáng, tuy không mong thấy mặt mình nhưng khuôn mặt mình tự nhiên hiện ra. Như nhà nông gieo giống xuống ruộng tốt, tuy không trông mong mầm mọc lên, nhưng mà mầm tự mọc lên; cũng như thắp đèn tuy không muốn diệt trừ bóng tối, nhưng bóng tối tự biến mất. Này thiện nam! Đại Bồ-tát giữ vững tịnh giới nên tâm không hối hận tự nhiên phát sinh cũng lại như vậy, do giữ giới thanh tịnh nên tâm được vui mừng. Này thiện nam! Như người xinh đẹp thấy diện mạo mình tâm sinh vui mừng, người trì tịnh giới cũng lại như vậy. Này thiện nam! Người phá giới, thấy giới bất tịnh, tâm không vui mừng, như người tàn tật khi thấy diện mạo mình tâm rất buồn tủi. Này thiện nam! Như hai cô gái chẵn bờ: Một người cầm bình đựng sữa đặc, một người cầm bình đựng sữa, cùng nhau đến thành để bán, đi được nửa đường bị vấp chân té xuống, hai bình nước đều bể. Nhưng một người thì hoan hỷ, còn một người thì

buồn bã. Người trì giới và người phá giới cũng như vậy. Người trì tịnh giới thì tâm vui mừng, vì vui mừng nên suy nghĩ: “Ở trong kinh Niết-bàn chư Phật Như Lai nói: Người có thể trì tịnh giới thì sẽ được Niết-bàn. Hôm nay ta tu tập tịnh giới như vậy, cũng được Niết-bàn”. Do nhân duyên này nên tâm an lạc.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hỷ và lạc có gì khác nhau?

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát lúc không làm ác gọi là hỷ, lúc trì tịnh giới gọi là lạc. Này thiện nam! Đại Bồ-tát khi quán sát sự sinh tử gọi là hỷ, khi thấy được Đại Niết-bàn gọi là lạc; bậc hạ gọi là hỷ, bậc thượng gọi là lạc; xa lìa pháp thế gian gọi là hỷ, được pháp Bất cộng gọi là lạc. Do giới thanh tịnh nên thân thể nhẹ nhàng, miệng không nói lời thô ác lỗi lầm. Khi ấy, Bồ-tát hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc ngửi, hoặc nếm, hoặc xúc chạm, hoặc biết, đều không có những sự xấu ác. Vì không ác nên tâm được an ổn, vì an ổn nên được định tĩnh, vì định tĩnh nên thấy, biết chân thật, vì thấy, biết chân thật nên nhàm chán sinh tử, vì nhàm chán sinh tử nên được giải thoát, vì giải thoát nên thấy Phật tánh, vì thấy Phật tánh nên được Đại Niết-bàn. Đó gọi là Bồ-tát trì giới thanh tịnh, chẳng phải là giới cấm của thế gian. Vì sao? Này thiện nam! Vì Đại Bồ-tát thọ trì tịnh giới có năm pháp trợ giúp. Những gì là năm? Một là tín, hai là tâm, ba là quý, bốn là thiện tri thức, năm là tôn kính giới. Vì đã xa lìa năm triền cái nên cái thấy thanh tịnh, vì xa lìa năm ác kiến nên tâm không nghi hoặc, vì xa lìa năm thứ nghi: Một là nghi Phật, hai là nghi Pháp, ba là nghi Tăng, bốn là nghi giới, năm là nghi không phóng dật nên lúc ấy, Bồ-tát liền được năm căn: Tín, niệm, tinh tấn, định và tuệ. Vì được năm căn nên chứng năm loại Niết-bàn, đó là giải thoát khỏi sắc cho đến giải thoát khỏi thức. Đó gọi là Bồ-tát trì giới thanh tịnh, chẳng phải là thế gian. Này thiện nam! Đó gọi là sự không thấy, không biết và không hiểu của thế gian, mà là sự thấy, biết và hiểu của Bồ-tát.

Này thiện nam! Nếu hàng đệ tử của Ta thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn nói kinh điển Đại Niết-bàn mà phá giới thì bị người khác

quở trách, khinh chê, hủy nhục và nói: “Nếu tạng bí mật kinh điển Đại Niết-bàn của Phật có oai lực mà sao lại làm cho người phá hủy giới cấm đã thọ, nếu người thọ trì kinh điển Đại Niết-bàn này mà phá hủy giới cấm, thì nên biết kinh này không có oai lực, nếu không có oai lực thì dù có đọc tụng nhưng cũng chẳng có lợi ích”. Do vì khinh khi, hủy báng kinh điển Đại Niết-bàn nên vô lượng vô biên chúng sinh bị đọa vào địa ngục. Người thọ trì kinh này mà phá hủy giới cấm là ác tri thức của chúng sinh, là quyến thuộc của ma, chẳng phải là đệ tử của Ta. Người như vậy Ta cũng không cho thọ trì kinh này, thà bảo họ không thọ, không trì, không tu chứ không để người hủy giới thọ trì tu tập. Nay thiện nam! Nếu đệ tử Ta thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn nói kinh Niết-bàn, thì thân tâm phải ngay ngắn, thận trọng, không đùa giỡn, khinh suất lay động. Thân thì đùa giỡn, tâm thì xem thường, tâm cầu sở hữu, thì gọi là xem thường, thân tạo các nghiệp gọi là đùa giỡn. Nếu đệ tử Ta cầu sở hữu, tạo các nghiệp thì không nên thọ trì kinh điển Đại Niết-bàn Đại thừa này. Nếu người thọ trì kinh này như thế, thì sẽ làm cho nhiều người khinh chê: “Nếu tạng bí mật kinh Đại Niết-bàn của Phật có oai lực thì sao làm cho người cầu sở hữu, gây tạo các nghiệp. Nếu người trì kinh này cầu sở hữu, gây tạo các nghiệp, thì nên biết kinh này không có oai lực, nếu không có oai lực thì tuy thọ trì nhưng chẳng có lợi ích”. Do khinh chê, hủy báng kinh Đại Niết-bàn, mà làm cho vô lượng vô biên chúng sinh bị đọa vào địa ngục. Người thọ trì kinh này nếu cầu sở hữu, gây tạo các nghiệp, thì họ là ác tri thức của chúng sinh, là quyến thuộc của ma, chẳng phải là đệ tử của Ta.

Lại nữa, nay thiện nam! Nếu hàng đệ tử của Ta thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn nói kinh Đại Niết-bàn này, thì không nên thuyết phi thời, không nên thuyết không đúng quốc độ, chẳng nên thuyết khi không ai thừa thỉnh, không nên thuyết với tâm khinh lờn, không nên chỗ nào cũng thuyết, không nên tự khen mình mà thuyết, không nên khinh chê người khác mà thuyết, không nên vì hủy diệt pháp Phật mà thuyết, không nên vì hưng thịnh pháp thế gian mà thuyết. Nay thiện nam! Nếu hàng đệ tử của Ta thọ trì kinh này mà thuyết phi thời, cho đến thuyết pháp để hưng thịnh pháp thế gian, thì

mọi người sẽ khinh chê mà nói: “Nếu tạng bí mật kinh Đại Niết-bàn của Phật có oai lực, sao lại làm cho người thuyết phi thời, cho đến thuyết để hưng thịnh pháp thế gian. Nếu người thọ trì kinh này mà thuyết như vậy, thì nên biết kinh này không có oai lực. Nếu không có oai lực thì tuy đã thọ trì kinh này nhưng chẳng có ích lợi gì”. Vì khinh chê kinh Đại Niết-bàn nên vô lượng chúng sinh bị đọa vào địa ngục. Người thọ trì kinh này mà thuyết phi thời cho đến thuyết để hưng thịnh pháp thế gian, thì đó là ác tri thức của chúng sinh, là quyến thuộc của ma, chẳng phải là đệ tử của Ta.

Này thiện nam! Nếu người thọ trì kinh này, muốn giảng nói kinh Đại Niết-bàn, giảng nói Phật tánh, giảng nói tạng bí mật của Như Lai, giảng nói về Đại thừa, giảng nói kinh Phương Đẳng, giảng nói thừa Thanh văn, giảng nói thừa Phật-bích-chi, giảng nói giải thoát, và muốn thấy Phật tánh thì trước hết phải thanh tịnh thân mình, vì thanh tịnh nên không bị quở trách, vì không bị quở trách nên làm cho vô lượng chúng sinh có lòng tin thanh tịnh đối với kinh Đại Niết-bàn, vì có lòng tin nên cung kính kinh này. Nếu được nghe một bài kệ, một câu, một chữ ở người thuyết pháp mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì nên biết người này là chân thiện tri thức của chúng sinh, là đệ tử của Phật, chẳng phải là ác tri thức, và chẳng phải là quyến thuộc của ma. Đó gọi là Bồ-tát chẳng phải thế gian. Này thiện nam! Đó gọi là điều thế gian không thấy, không biết và không hiểu, mà là điều thấy, biết và hiểu của Bồ-tát.

